TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST Ngày: 05-9-2018 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bạch;
- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Vũ N,** sinh năm 1965; cư trú tại: Số 2, Lô AD, Cư xá T, Phường 7A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị H,** sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, ông Trương Vũ N trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị H chung sống với nhau từ ngày 02-9-2007, đến ngày 10-11-2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi về chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì bà H bỏ nhà đi khoảng 03 tháng mới về. Sau khi trở về chung sống được khoảng 02 – 03 tháng thì bà H lại tiếp tục bỏ nhà đi tiếp khoảng hai, ba tháng thì lại trở về. Đến khi ông và bà H sinh được cháu H

vào năm 2009, đến năm 2012 thì bà H có quan hệ với người đàn ông khác. Thời gian này, vợ chồng ông chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng đã không còn nhiều như trước. Đến năm 2015, vợ chồng ông sinh thêm con trai là cháu Trương Minh Q, bản thân bà H cũng như người đàn ông chung sống với bà H cũng đã nói với ông là cháu Q không phải con của ông nhưng ông cũng bỏ qua. Từ tháng 9-2017 đến nay thì bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn quan tâm đến ông và hai con, vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 02-4-2009 và cháu Trương Minh Q, sinh ngày 16-01-2015, hiện do ông N đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, ông N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trương Vũ N và bà Huỳnh Thị H tranh chấp về ly hôn; bà H hiện cư trú trên địa bàn huyện Cai Lậy. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, bà Huỳnh Thị H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; ông Trương Vũ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa ông Trương Vũ N và bà Huỳnh Thị H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân Phường 7A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông N sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bà H bỏ nhà đi, sau khi đi khoảng 03 tháng thì bà H quay về chung sống nhưng cũng được 02 tháng thì lại đi nữa. Đến khi đã có con chung, bà H lại có mối quan hệ với người đàn ông khác và từ tháng 9-2017 cho đến nay thì bà H và ông N không còn chung sống vợ chồng, cũng như bà H không còn quan tâm gì đến chồng con, bỏ mặc cho ông N nuôi dưỡng hai con chưa thành niên. Mặc dù những nội dung trên do phía ông N cung cấp, nhưng phía bà H không có ý kiến gì phản đối là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Hơn nữa, bà H không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông N nên xem như bà H đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và yêu cầu được nuôi con của ông N. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông N và bà H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của ông N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu được nuôi con, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của ông N. Cháu Trương Ngọc H có nguyện vọng được sống với ông N sau khi cha mẹ ly hôn; cháu Trương Minh Q chưa đủ tuổi để Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu. Ông N có công việc ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H, cháu Q cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có, không yêu cầu; bà H không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Ông Trương Vũ N là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vũ N. Cho ông Trương Vũ N được ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 02-4-2009 và cháu Trương Minh Q, sinh ngày 16-01-2015 cho ông Trương Vũ N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con (do ông N chưa yêu cầu).

Bà Huỳnh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Trương Vũ N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15630 ngày 05-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên được trừ vào án phí, xem như ông N đã thi hành xong án phí.

Ông Trương Vũ N, bà Huỳnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND Phường 7A, quận B, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực